

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÂM ĐỒNG  
TRƯỜNG THPT HÙNG VƯƠNG - QUẢNG PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHÓA BIỂU KỲ I, NĂM HỌC 2026-2027, ÁP DỤNG TỪ NGÀY 26/10/2026 (BUỔI SÁNG)

| Thứ   | Tiết | 10B1      | 10B2    | 10B3      | 10B4      | 10B5      | 11A1      | 11A2      | 11A3      | 11A4      | 12C1      | 12C2      | 12C3      | 12C4      | 12C5      | 10B4(TT)  |
|-------|------|-----------|---------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Thứ 2 | 1    | Ngoại ngữ | Vật lý  | Địa lí    | Công nghệ | GDKTPL    |           |           |           |           |           |           |           |           |           | Lịch sử   |
|       | 2    | Vật lý    | Hóa học | Ngoại ngữ | Công nghệ | Công nghệ |           |           |           |           |           |           |           |           |           | Địa lí    |
|       | 3    | SHDC      | SHDC    | SHDC      | SHDC      | SHDC      | SHDC      | SHDC      | SHDC      | SHDC      | SHDC      | SHDC      | SHDC      | SHDC      | SHDC      | SHDC      |
|       | 4    |           |         |           |           |           | Vật lý    | Hóa học   | Ngoại ngữ | GDDP      | Vật lý    | Hóa học   | Lịch sử   | Vật lý    | Toán      | GDKTPL    |
|       | 5    |           |         |           |           |           | Ngoại ngữ | Vật lý    | Địa lí    | Tin học   | Hóa học   | Vật lý    | Ngữ văn   | Lịch sử   | Toán      |           |
| Thứ 3 | 1    | GDQP      |         |           |           | Thể dục   | Ngữ văn   | Hóa học   | Toán      | Địa lí    | Tin học   | Sinh học  | Ngoại ngữ | Toán      | GDKTPL    | Toán      |
|       | 2    | Thể dục   |         | GDQP      |           | Thể dục   | Ngữ văn   | Sinh học  | Toán      | GDKTPL    | Toán      | HĐTN      | Hóa học   | Toán      | Lịch sử   | Toán      |
|       | 3    | Thể dục   |         | Thể dục   |           | GDQP      | Hóa học   | GDKTPL    | Lịch sử   | Tin học   | Toán      | Ngoại ngữ | Toán      | Địa lí    | HĐTN      | Ngữ văn   |
|       | 4    |           |         | Thể dục   |           |           | Tin học   | Ngữ văn   | Địa lí    | Toán      | Sinh học  | Toán      | Toán      | Ngoại ngữ | Ngoại ngữ | Ngữ văn   |
|       | 5    |           |         |           |           |           |           | Ngữ văn   | HĐTN      | Toán      | HĐTN      | Toán      | HĐTN      | Ngoại ngữ | Địa lí    | HĐTN      |
| Thứ 4 | 1    |           |         |           |           |           | Hóa học   | Ngoại ngữ | Vật lý    | Ngữ văn   | Ngữ văn   | Lịch sử   | GDDP      | Lịch sử   | Công nghệ | Công nghệ |
|       | 2    |           |         |           |           |           | Sinh học  | Vật lý    | Lịch sử   | Ngữ văn   | Ngữ văn   | Hóa học   | Lịch sử   | GDKTPL    | Công nghệ | Lịch sử   |
|       | 3    |           |         |           |           |           | Toán      | GDKTPL    | Ngoại ngữ | Vật lý    | Lịch sử   | Vật lý    | Hóa học   | GDDP      | Lịch sử   | Toán      |
|       | 4    |           |         |           |           |           | Toán      | Sinh học  | Ngoại ngữ | Lịch sử   | Vật lý    | Ngữ văn   | GDKTPL    | Ngữ văn   | Ngoại ngữ | Ngữ văn   |
|       | 5    |           |         |           |           |           | Vật lý    |           |           | Ngoại ngữ | Hóa học   | GDDP      | Vật lý    | Ngữ văn   | GDKTPL    |           |
| Thứ 5 | 1    |           |         |           |           |           | Ngoại ngữ | Hóa học   | Toán      | GDKTPL    | Toán      | Tin học   | Địa lí    | Công nghệ | Ngữ văn   | Ngoại ngữ |
|       | 2    |           |         |           |           |           | Ngoại ngữ | HĐTN      | Toán      | Địa lí    | Toán      | HĐTN      | GDKTPL    | Công nghệ | Ngữ văn   | Ngoại ngữ |
|       | 3    |           |         |           |           |           | HĐTN      | Toán      | Tin học   | Ngoại ngữ | Ngữ văn   | Ngữ văn   | Toán      | Ngoại ngữ | Vật lý    | GDKTPL    |
|       | 4    |           |         |           |           |           | Tin học   | Toán      | GDKTPL    | HĐTN      | GDDP      | Ngữ văn   | Toán      | Ngữ văn   | Ngoại ngữ | Địa lí    |
|       | 5    |           |         |           |           |           | GDDP      |           |           |           |           | Ngoại ngữ |           |           |           | HĐTN      |
| Thứ 6 | 1    |           | Thể dục |           |           |           | Lịch sử   | Ngoại ngữ | Tin học   | Toán      | Ngoại ngữ | Toán      | Địa lí    | HĐTN      | Toán      | Lịch sử   |
|       | 2    |           | Thể dục |           | Thể dục   |           | HĐTN      | Ngoại ngữ | GDKTPL    | Toán      | Ngoại ngữ | Toán      | Vật lý    | Địa lí    | Toán      | Công nghệ |
|       | 3    |           | GDQP    |           | Thể dục   |           | Toán      | HĐTN      | HĐTN      | Ngoại ngữ | Tin học   | Vật lý    | Ngoại ngữ | Toán      | Địa lí    | Công nghệ |
|       | 4    |           |         |           | GDQP      |           | Toán      | Toán      | Ngữ văn   | Lịch sử   | Sinh học  | Tin học   | Ngữ văn   | Toán      | GDKTPL    | Địa lí    |
|       | 5    |           |         |           |           |           |           | Toán      | Ngữ văn   |           | Vật lý    |           | Ngữ văn   | GDKTPL    | Lịch sử   | Sinh hoạt |
| Thứ 7 | 1    |           |         |           |           |           | Sinh học  | GDDP      | GDDP      | Vật lý    | Ngoại ngữ | Hóa học   | Ngữ văn   | Lịch sử   | HĐTN      |           |
|       | 2    |           |         |           |           |           | Vật lý    | Ngữ văn   | Ngữ văn   | HĐTN      | HĐTN      | Sinh học  | Ngoại ngữ | Vật lý    | Ngữ văn   |           |
|       | 3    |           |         |           |           |           | Ngữ văn   | Sinh học  | Ngữ văn   | Ngữ văn   | Hóa học   | Lịch sử   | Lịch sử   | Ngữ văn   | Vật lý    |           |
|       | 4    |           |         |           |           |           | Hóa học   | Lịch sử   | Vật lý    | Ngữ văn   | Lịch sử   | Ngoại ngữ | HĐTN      | HĐTN      | GDDP      |           |
|       | 5    |           |         |           |           |           | Sinh hoạt | Sinh hoạt | Sinh hoạt | Sinh hoạt | Sinh hoạt | Sinh hoạt | Sinh hoạt | Sinh hoạt | Sinh hoạt |           |

Quảng Phú, ngày 24 tháng 10 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÂM ĐỒNG  
TRƯỜNG THPT HÙNG VƯƠNG - QUẢNG PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHÓA BIỂU KỲ I, NĂM HỌC 2026-2027, ÁP DỤNG TỪ NGÀY 26/10/2026 (BUỔI CHIỀU)

| Thứ   | Tiết | 10B1      | 10B2      | 10B3      | 10B4      | 10B5      | 11A1    | 11A2    | 11A3    | 11A4    | 12C1           | 12C2      | 12C3    | 12C4      | 12C5    |
|-------|------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|---------|---------|---------|---------|----------------|-----------|---------|-----------|---------|
| Thứ 2 | 1    | Hóa học   | Toán      | HĐTN      | Lịch sử   | Ngoại ngữ |         |         |         |         | P7             | P8        | P9      | P10       | P11     |
|       | 2    | HĐTN      | Toán      | GDĐP      | Ngoại ngữ | Lịch sử   |         |         | GDQP    |         | Ngữ văn        |           | Toán    |           |         |
|       | 3    | Lịch sử   | HĐTN      | Vật lý    | Địa lí    | GDĐP      |         |         | Thẻ đục |         | Ngữ văn        | GDQP      | Toán    |           |         |
|       | 4    | Vật lý    | Sinh học  | Địa lí    | HĐTN      | Công nghệ |         |         | Thẻ đục |         |                | Thẻ đục   | GDQP    | Toán      | Ngữ văn |
|       | 5    | Sinh học  | Vật lý    | Lịch sử   | Vật lý    | Địa lí    |         |         |         |         |                | Thẻ đục   |         | Toán      | Ngữ văn |
| Thứ 3 | 1    | Sinh học  | GDKTPL    | Ngữ văn   | Ngoại ngữ | Lịch sử   |         |         |         |         | P7             | P8        | P9      | P10       | P11     |
|       | 2    | Tin học   | Sinh học  | Ngữ văn   | Ngoại ngữ | HĐTN      |         | GDQP    |         |         | Thẻ đục        |           |         |           |         |
|       | 3    | Lịch sử   | Ngoại ngữ | Tin học   | Toán      | Hóa học   |         | Thẻ đục |         |         | Thẻ đục        | Toán      | Ngữ văn | GDQP      | Lịch sử |
|       | 4    | Ngữ văn   | Lịch sử   | Toán      | Toán      | Ngữ văn   |         | Thẻ đục |         |         | GDQP           | Toán      | Ngữ văn | Thẻ đục   | Lịch sử |
|       | 5    | Ngữ văn   | HĐTN      | Toán      | Lịch sử   | Ngữ văn   |         |         |         |         | Ngoại ngữ (P7) |           |         | Thẻ đục   | GDQP    |
| Thứ 4 | 1    |           |           |           |           |           |         |         |         |         |                |           |         |           |         |
|       | 2    |           |           |           |           |           |         |         |         |         |                |           |         |           |         |
|       | 3    |           |           |           |           |           |         |         |         |         |                |           |         |           |         |
|       | 4    |           |           |           |           |           |         |         |         |         |                |           |         |           |         |
|       | 5    |           |           |           |           |           |         |         |         |         |                |           |         |           |         |
| Thứ 5 | 1    | Ngoại ngữ | Hóa học   | Toán      | Hóa học   | Ngoại ngữ |         |         |         |         | P7             | P8        | P9      | P10       | P11     |
|       | 2    | HĐTN      | GDĐP      | Toán      | Địa lí    | Ngoại ngữ |         |         |         |         | Toán           | Ngữ văn   | Thẻ đục | Ngữ văn   |         |
|       | 3    | Hóa học   | Ngoại ngữ | Địa lí    | GDĐP      | Hóa học   |         |         |         |         | Toán           | Ngữ văn   | Thẻ đục | Ngữ văn   |         |
|       | 4    | Ngữ văn   | Toán      | Công nghệ | Ngữ văn   | HĐTN      |         |         |         |         | Hóa học (P7)   |           |         |           | Thẻ đục |
|       | 5    | GDĐP      | Toán      | Công nghệ | Ngữ văn   | Địa lí    |         |         |         |         | Hóa học (P7)   |           |         |           | Thẻ đục |
| Thứ 6 | 1    | Ngoại ngữ | Ngoại ngữ | Lịch sử   | HĐTN      | Ngữ văn   |         |         |         |         | P7             | P8        | P9      | P10       | P11     |
|       | 2    | Vật lý    | GDKTPL    | Ngoại ngữ | Lịch sử   | Ngữ văn   | Thẻ đục |         |         |         |                | Lịch sử 2 |         | Lịch sử 3 | Toán    |
|       | 3    | Tin học   | Lịch sử   | Ngoại ngữ | Toán      | GDKTPL    | Thẻ đục |         |         | GDQP    | Vật lý 1       | Lịch sử 2 |         | Lịch sử 3 | Toán    |
|       | 4    | Toán      | Ngữ văn   | HĐTN      | Toán      | Toán      | GDQP    |         |         | Thẻ đục | Lịch sử 1      | Vật lý 2  |         |           |         |
|       | 5    | Toán      | Ngữ văn   | Tin học   | Vật lý    | Toán      |         |         |         | Thẻ đục | Lịch sử 1      |           |         |           |         |
| Thứ 7 | 1    | Toán      | Hóa học   | Ngữ văn   | Ngữ văn   | Toán      |         |         |         |         |                |           |         |           |         |
|       | 2    | Toán      | Vật lý    | Ngữ văn   | Ngữ văn   | Toán      |         |         |         |         |                |           |         |           |         |
|       | 3    | Hóa học   | Ngữ văn   | Vật lý    | Hóa học   | Lịch sử   |         |         |         |         |                |           |         |           |         |
|       | 4    | Sinh hoạt | Sinh hoạt | Sinh hoạt | Sinh hoạt | Sinh hoạt |         |         |         |         |                |           |         |           |         |
|       | 5    |           |           |           |           |           |         |         |         |         |                |           |         |           |         |

Quảng Phú, ngày 24 tháng 10 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG